

Bản án số: 203/2024/HS-PT

Ngày: 02-7-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hoài Nam

Các Thẩm phán: 1/ Ông Ngô Đức Thụ

2/ Bà Nguyễn Huỳnh Mai Tâm Quyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 02/7/2024, tại Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 151/2024/TLPT-HS, ngày 14/5/2024 đối với các bị cáo Vũ Thị Kim T và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 129/2024/HSST, ngày 27/3/2024 của Tòa án nhân dân X, Thành phố Hồ Chí Minh

Các bị cáo:

1. Vũ Thị Kim T, sinh năm 1980 tại Bình Dương; Thường trú: đường 1, phường An Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương; Tạm trú: đường 2, phường TB, thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ N và bà Chu Thị T; hoàn cảnh gia đình: Có chồng là Nguyễn Minh H (không đăng ký kết hôn) và 03 con (lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2019); tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/7/2023 đến ngày 03/8/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

2. Phạm Thị Anh Đ, sinh năm 1989 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: đường 3, phường TB, thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn P và bà Đặng Thị O; hoàn cảnh gia đình: Có chồng là Nguyễn Hoài A và 02 con (lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2019); tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/7/2023 đến ngày 03/8/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

3. Phạm Thị Kim P, sinh năm 1998 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: đường 4, phường TB, thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn P và bà Đặng Thị O; hoàn cảnh gia đình: Có 02 con (lớn sinh năm 2019, nhỏ sinh năm 2023); tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

4. Phạm Đức K, sinh năm 1992 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: đường 5, phường TB, thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: chạy xe ôm; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn T (chết) và bà Nguyễn Thị Thu H; hoàn cảnh gia đình: Có vợ là Lê Thị Mỹ T và 02 con (lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2018); tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/7/2023 đến ngày 03/8/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

5. Nguyễn Cao M, sinh năm 1975 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: đường 6, phường Tam Phú, thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: tài xế; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Tấn C và bà Đường Ngọc L; hoàn cảnh gia đình: Có vợ là Lại Thị T và 02 con (lớn đã mất, con nhỏ sinh năm 2015); tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/7/2023 đến ngày 03/8/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

6. Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1989 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: đường 7, phường Bình Chiểu, thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: tài xế; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hữu L và bà Trần Thị T; hoàn cảnh gia đình: Có vợ là Hà Thị Kim Trang và 02 con (lớn sinh năm 2019, nhỏ sinh năm 2021); tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/7/2023 đến ngày 03/8/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

7. Bùi Hữu I, sinh năm 1999 tại thành phố Cần Thơ; Thường trú: đường 8, xã Nhơn Ái, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: nhân viên; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc

tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Hữu H (chết) và bà Lương Thị Thúy O; hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/7/2023 đến ngày 18/10/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

8. Hà Đức V, sinh năm 1993 tại tỉnh Đồng Nai; Thường trú và chỗ ở: đường 9, Khu phố 1, phường TB, thành phố X, thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: nhân viên; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hà Kim T và bà Nguyễn Thị Kim Đ; hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/7/2023 đến ngày 03/8/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

9. Mai Thị R, sinh năm 1966 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: đường 10, phường TB, thành phố X, thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: đường 11, phường TB, thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; không rõ cha mẹ; hoàn cảnh gia đình: có chồng là Trần Văn V và 02 con (lớn sinh năm 1988, nhỏ sinh năm 1994); tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/7/2023 đến ngày 03/8/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

Người bào chữa: Ông Trần Quang Vinh, luật sư của Văn phòng luật sư An Vinh thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Bùi Hữu I và Hà Đức V (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 27/7/2023, Vũ Thị Kim T đến nhà Trần Thị Q tại số 114/44 Tam Châu, Khu phố 1, phường TB, thành phố X thì gặp Phạm Đức K, Phạm Văn Phiếu, Nguyễn Cao M. Lúc này trời mưa nên T nảy sinh ý định rủ mọi người đánh bài xì dách ăn thua bằng tiền thì mọi người đồng ý. T đưa cho Q 10.000 đồng để nhờ Q đi mua giúp 01 bộ bài tây 52 lá đồng thời nhờ Q kêu thêm người đến chơi bài thì Q đồng ý. Khoảng 15 phút sau, Q mua bài xong thì đi bộ về nhà, khi đi ngang qua nhà số 31/2/38, đường số 3, Khu phố 1, phường TB của Nguyễn Thị Kim Đ thì Q rủ Đ cùng Hà Đức V là con của Đ, Bùi Hữu I là bạn của V, Nguyễn Mạnh H là con rể của Đ, qua nhà Q chơi bài thì tất cả đồng ý. Sau đó, Phạm Thị Anh Đ và Phạm Thị Kim P là con của Phiếu, Mai Thị R là hàng xóm của Q lần lượt đến nhà Q để đánh bài. Đến 13 giờ cùng ngày, T, K, Phiếu, M, Đ, V, I, H, Đ, P, R, bắt đầu đánh bài ăn thua bằng tiền, một lúc sau Hồ Ngọc Lệ đến và tham gia đánh bài ăn thua bằng tiền với cả nhóm.

Hình thức chơi: Cả nhóm sử dụng bộ bài tây 52 lá, T là người cầm cái, 11 người còn lại đặt tù. T sẽ chia đều cho mỗi người 02 lá bài, số bài còn lại để trên chiếu bài để kéo. Sau khi kéo bài xong thì lần lượt người chơi kiểm tra bài. Nếu 02 lá bài tính tổng điểm từ 17 đến 21 điểm thì được úp bài không kéo, còn nếu dưới 17 điểm thì tiếp tục kéo bài để tính điểm nhưng không được quá 03 lần và số điểm không được quá 22 điểm, nếu tính điểm được từ 22 điểm trở lên là “quắc” (thua) không được kéo thêm bài nữa. Sau khi những người chơi bài kéo bài xong thì người làm cái sẽ xem bài của mình, nếu bài của người làm cái được từ 16 điểm đến 21 điểm thì có thể xét bài, nếu chưa đủ 16 điểm thì phải kéo thêm bài, số lần kéo không được quá 03 lần và không được quá 21 điểm. Nếu quá 21 điểm thì “quắc”. Khi xét bài thì nhà cái hơn điểm của người chơi thì ăn, bằng điểm thì hòa, thấp điểm hơn thì thua. Trường hợp đặc biệt, nếu ai có 1 lá bài từ 10, J, Q, K và 1 con Át (A) là xì dách, được ăn gấp đôi tiền cược, được 02 con Át là xì bàn, được ăn gấp 3 tiền cược mà không cần phải kéo bài, mỗi ván bài đặt cược từ 10.000 đồng đến 50.000 đồng, ai không đặt cược thì có thể ké vào nhà cái hoặc nhà con, mỗi ván ké tối đa 50.000 đồng.

Khi tham gia chơi bài, T sử dụng số tiền 6.200.000 đồng để đánh bạc, thua hết 350.000 đồng; Đ sử dụng số tiền 300.000 đồng để đánh bạc, thu hết số tiền 50.000 đồng; K sử dụng số tiền 120.000 đồng để đánh bạc, thua hết số tiền 50.000 đồng; V sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc, thua hết 100.000 đồng; I sử dụng số tiền 500.000 đồng để đánh bạc, chơi thua 200.000 đồng; Lệ sử dụng số tiền 800.000 đồng để đánh bạc, thắng được 500.000 đồng; Phiếu sử dụng số tiền 300.000 đồng để đánh bạc, thắng được 100.000 đồng; P sử dụng 200.000 đồng để đánh bạc, thua hết số tiền 50.000 đồng; M sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc, thắng được 300.000 đồng; Đ sử dụng 600.000 đồng để đánh bạc, thắng được 100.000 đồng; H sử dụng số tiền 200.000 đồng để đánh bạc, khi bị phát hiện đang hòa vốn; R sử dụng số tiền 200.000 đồng để đánh bạc, thua hết 200.000 đồng.

Khi bị phát hiện bắt quả tang thu giữ của T: 5.850.000 đồng; Đ: 250.000 đồng; K: 70.000 đồng; V: 400.000 đồng; I: 300.000 đồng; Lệ: 1.300.000 đồng; Phiếu: 400.000 đồng; P: 150.000 đồng; M: 1.300.000 đồng; Đ: 700.000 đồng; H: 200.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 129/2024/HSST ngày 27/3/2024 của Tòa án nhân dân X, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Vũ Thị Kim T phạm tội “Tổ chức đánh bạc” và “Đánh bạc”. Tuyên bố các bị cáo Bùi Hữu I, Phạm Đức K, Hà Đức V, Phạm Thị Kim P, Nguyễn Cao M, Phạm Thị Anh Đ, Nguyễn Mạnh H, Mai Thị R phạm tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 322; khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Vũ Thị Kim T 01 (một) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc” và 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn

tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 27/7/2023 đến ngày 03/8/2023.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Bùi Hữu I 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 27/7/2023 đến ngày 18/10/2023.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Phạm Đức K 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 27/7/2023 đến ngày 03/8/2023.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Hà Đức V 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 27/7/2023 đến ngày 03/8/2023.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Kim P 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Nguyễn Cao M 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 27/7/2023 đến ngày 03/8/2023.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Anh Đ 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 27/7/2023 đến ngày 03/8/2023.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh H 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 27/7/2023 đến ngày 03/8/2023.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Mai Thị R 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 27/7/2023 đến ngày 03/8/2023.

Ngoài ra, bản án hình sự sơ thẩm còn tuyên về phần hình phạt đối với các bị cáo khác, phần xử lý vật chứng, phần án phí, quyền và thời hạn kháng cáo của các bị cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi tóm tắt nội dung, phân tích tính chất vụ án đã đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Thị Kim T, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm đối với bị cáo T. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Thị Anh Đ, Phạm Thị Kim P, Phạm Đức K, Nguyễn Cao M, Nguyễn Mạnh H, Bùi Hữu I, Hà Đức V, Mai Thị R, sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo này và cho các bị cáo được hưởng án treo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Bùi Hữu I và Hà Đức V trình bày: Luật sư thống nhất tội danh mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với 02 bị cáo V và I. Tuy nhiên, luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các bị cáo có nhân thân tốt, hiện là lao động chính trong gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo tham gia đánh bạc với số tiền nhỏ, hiện nay đã biết ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình, bị cáo hiện có nơi cư trú ổn định nên đề nghị cho các bị cáo được hưởng án treo theo Điều 65 và Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng về án treo cũng đủ tác dụng giáo dục, phòng ngừa đối với các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, các bị cáo, người bào chữa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai tại phiên tòa sơ thẩm cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Xét các bị cáo Vũ Thị Kim T, Phạm Thị Anh Đ, Phạm Thị Kim P, Phạm Đức K, Nguyễn Cao M, Nguyễn Mạnh H, Bùi Hữu I, Hà Đức V, Mai Thị R có hành vi đánh bài xì dách ăn thua bằng tiền. Số tiền bị thu giữ khi bị bắt quả tang là 10.920.000 đồng. Đối với bị cáo T ngoài hành vi đánh bạc còn có hành vi đưa tiền cho bị cáo Q đi mua bài, nhờ Q gọi người đến đánh bạc, là người khởi xướng, rủ rê những người khác chơi bài, số người tham gia đánh bạc từ 10 người trở lên. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Phạm Thị Anh Đ, Phạm Thị Kim P, Phạm Đức K, Nguyễn Cao M, Nguyễn Mạnh H, Bùi Hữu I, Hà Đức V, Mai Thị R tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm

2017), xét xử bị cáo Vũ Thị Kim T về 02 tội, “Tổ chức đánh bạc” theo điểm a khoản 1 Điều 322 và tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có cơ sở, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: đơn kháng cáo của các bị cáo nằm trong thời hạn luật định là hợp lệ.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là lao động chính trong gia đình, nuôi 03 con nhỏ đang tuổi ăn học, cha mẹ bị cáo đã già yếu để áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và xử phạt bị cáo T 01 năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc” và 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”, tổng hợp hình phạt của cả 02 tội là 01 năm 06 tháng tù. Tòa án cấp sơ thẩm cũng xem xét các bị cáo Bùi Hữu I, Phạm Đức K, Hà Đức V, Phạm Thị Kim P, Nguyễn Cao M, Phạm Thị Anh Đ, Nguyễn Mạnh H, Mai Thị R phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, từ đó áp dụng cho các bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, từ đó xử phạt các bị cáo 06 tháng tù.

Các bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo. Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo Bùi Hữu I, Phạm Đức K, Hà Đức V, Phạm Thị Kim P, Nguyễn Cao M, Phạm Thị Anh Đ, Nguyễn Mạnh H, Mai Thị R nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, số tiền đánh bạc nhỏ, các bị cáo không phải là người rủ rê, lôi kéo thực hiện việc đánh bạc. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo có nộp đơn xin xác nhận hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính trong gia đình, chưa phạm tội lần nào được xác nhận của khu phố nơi các bị cáo sinh sống, tuy chưa có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nhưng được xem là tài liệu tham khảo để đánh giá về ý thức tự chấp hành pháp luật tốt của các bị cáo tại địa phương. Các bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, đồng thời, thời gian các bị cáo bị tạm giữ cũng đủ để giáo dục, răn đe. Xét thấy các bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên không cần bắt các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù mà cho các bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cũng đủ tác dụng giáo dục, phòng ngừa và phù hợp với quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự và Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng về án treo.

Đối với bị cáo Vũ Thị Kim T, do bị cáo là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác thực hiện hành vi đánh bạc vừa trực tiếp thực hiện hành vi đánh bạc, do vậy cần phải xử phạt bị cáo nghiêm khắc hơn các bị cáo khác trong cùng vụ án và không đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân

Tối cao. Xét Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù đối với 02 tội là tương xứng, phù hợp với hành vi mà bị cáo đã thực hiện. Trước và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cũng không xuất trình thêm được tình tiết giảm nhẹ nào mới để Tòa cấp phúc thẩm xem xét.

Từ các phân tích trên, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Thị Kim T, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm đối với bị cáo T.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Bùi Hữu I, Phạm Đức K, Hà Đức V, Phạm Thị Kim P, Nguyễn Cao M, Phạm Thị Anh Đ, Nguyễn Mạnh H, Mai Thị R, sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm, cho các bị cáo được hưởng án treo.

[3] Các vấn đề khác: Bị cáo Vũ Thị Kim T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo Bùi Hữu I, Phạm Đức K, Hà Đức V, Phạm Thị Kim P, Nguyễn Cao M, Phạm Thị Anh Đ, Nguyễn Mạnh H, Mai Thị R không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Thị Kim T. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Vũ Thị Kim T.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Bùi Hữu I, Phạm Đức K, Hà Đức V, Phạm Thị Kim P, Nguyễn Cao M, Phạm Thị Anh Đ, Nguyễn Mạnh H, Mai Thị R. Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo Bùi Hữu I, Phạm Đức K, Hà Đức V, Phạm Thị Kim P, Nguyễn Cao M, Phạm Thị Anh Đ, Nguyễn Mạnh H, Mai Thị R.

- Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 322; khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Vũ Thị Kim T 01 (một) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc” và 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 27/7/2023 đến ngày 03/8/2023.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Bùi Hữu I 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Bùi Hữu I về Ủy ban nhân dân xã Nhơn Ái, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Bùi Hữu I có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Phạm Đức K 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Phạm Đức K về Ủy ban nhân dân phường TB, thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Phạm Đức K có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Hà Đức V 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Hà Đức V về Ủy ban nhân dân phường TB, thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Hà Đức V có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Kim P 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Phạm Thị Kim P về Ủy ban nhân dân phường TB, thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Phạm Thị Kim P có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Nguyễn Cao M 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Cao M về Ủy ban nhân dân phường Tam Phú, thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Nguyễn Cao M có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi

nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Anh Đ 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Phạm Thị Anh Đ về Ủy ban nhân dân phường TB, thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Phạm Thị Anh Đ có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh H 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Mạnh H về Ủy ban nhân dân phường Bình Chiểu, thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Nguyễn Mạnh H có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Mai Thị R 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Mai Thị R về Ủy ban nhân dân phường TB, thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Mai Thị R có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015.

2. Bị cáo Vũ Thị Kim T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo Bùi Hữu I, Phạm Đức K, Hà Đức V, Phạm Thị Kim P, Nguyễn Cao M, Phạm Thị Anh Đ, Nguyễn Mạnh H, Mai Thị R không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có

kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích chế độ án treo cho các bị cáo Bùi Hữu I, Phạm Đức K, Hà Đức V, Phạm Thị Kim P, Nguyễn Cao M, Phạm Thị Anh Đ, Nguyễn Mạnh H, Mai Thị R)

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND cấp cao tại Tp.HCM (1)
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM (1)
- VKSND Tp.HCM; (3)
- VKSND Tp X; (1)
- P.PC 53 – CA Tp.HCM; (9)
- Cục THADS Tp.HCM (1)
- Chi cục THA Tp X; (1)
- Các bị cáo; (9)
- Người bào chữa; (1)
- TAND Tp X; (1)
- Công an Tp X; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Ủy ban nơi bị cáo cư trú; (9)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (44) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Hoài Nam